TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13** /2018/ HNGĐ –ST
Ngày: 02/ 3 /2018
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tháo.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Lâm;
2. Ông Võ Văn Hoàng.

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan-Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 528/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1A, xã LS, huyện CĐ, tỉnh LA.

Bị đơn: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VQT, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/11/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn P cưới nhau vào năm 2007, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã VQT năm 2009. Quá trình chung sống có hạnh P đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, chị T và anh P ly thân từ tháng 04 năm 2014 cho đến nay, trong thời gian ly

thân, các bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị không còn tình cảm với anh P, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Anh P và chị T có 01 con chung là Nguyễn Quốc Thái, sinh ngày 10/10/2009. Chị yêu cầu nuôi cháu Thái và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Anh Nguyễn Văn P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Nguyên đơn chấp hành tốt quy định bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Anh P và chị T có 01 con chung là Nguyễn Quốc Thái, sinh ngày 10/10/2009**.** Nhận thấy cháu Quốc Thái được chị T nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh nên tiếp tục giao cháu Quốc Thái cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và phù hợp với nguyện vọng cháu Quốc Thái. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

Về nợ chung**:** Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn P là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn P cưới nhau vào năm 2007, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã VQT vào năm 2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống có hạnh P đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy chị T và anh P đã ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay.

[3] Qua xác minh của chính quyền ấp VT, xã VQT cũng như lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ẩn là cha ruột thì cuộc sống vợ chồng chị T và anh P đã có sự mâu thuẫn, không thể hàn gắn được.

[4] Mặt khác, tuy anh P đã được triệu tập đến lần 2 để xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh P không còn muốn hàn gắn cuộc sống hôn nhân với chị T.

[5] Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con chung là Nguyễn Quốc Thái, sinh ngày 10/10/2009. Cháu Thái đang sống với chị T vẫn phát triển bình thường, ổn định nên giao cháu Thái cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị trên của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[8] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBĐVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81 , 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBĐVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Văn P. Chị T được ly hôn với anh P. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Quốc Thái, sinh ngày 10/10/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006258 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh BĐ. Vậy án phí chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn P vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã VQT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo

Thành viên **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Hội đồng xét xử

Nguyễn Thanh Lâm-Võ Văn Hoàng **Phạm Văn Tháo**